TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 27/2020/QĐST- HNGĐ	*V, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị S- sinh năm 1980 (tức Phạm Thị S, sinh năm 1979); HKTT: Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh V; chỗ ở: Số nhà 25, đường Lý Thường Kiệt, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

- Bị đơn: Anh Lê Đình T - sinh năm 1974; Trú tại: Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lưu Thị S (tức Phạm Thị S) và anh Lê Đình T.

[2]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Cháu Lê Thị V, sinh ngày 05/6/1999; cháu Lê Thị Lan A, sinh ngày 28/11/2000 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Đình T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục cháu Lê Bá H, sinh ngày 19/7/2007. Chị Lưu Thị S (tức Phạm Thị S) không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị S (tức Phạm Thị S) tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0006748 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh V. Chị S đã nộp đủ án phí. Trả lại chị Lưu Thị S (tức Phạm Thị S) 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS V;
-UBND phường Đ,
Thành phố V, tỉnh V
(ĐKKH năm 1998);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Lê Nữ Hương Huyền